

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2023

V/v Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tuyền và ông Lương Thái Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, về việc: “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Tạm trú: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn Đình L, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đình L tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2005 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính, thường xuyên cãi nhau nên bà bỏ về cha mẹ ở thị xã S sinh sống đến nay, còn ông Long sống ở xã Hòa Thịnh, huyện T không ai quan tâm ai. Đến nay không còn tình cảm nên bà yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Long.

Về con chung: Có 04 con chung Nguyễn Thị Trúc C, sinh năm 1989; Nguyễn Đình L1, sinh năm 1990; Nguyễn Đình T, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1997. Hiện các con đã đủ 18 tuổi, có gia đình riêng nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Đình L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lời trình bày nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn, bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định quan hệ tranh chấp “Không công nhận vợ chồng”. Bị đơn có hộ khẩu tại huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định các Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lý do nên HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Nguyễn Đình L tìm hiểu rồi tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn, sự việc được trưởng thôn M và UBND xã H, huyện T xác nhận. Xét thấy:

Theo điểm b mục 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật HNGĐ năm 2000 quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.*”

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng....”

Tại khoản 1 Điều 14 Luật HNGĐ năm 2014 quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, cụ thể như sau: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này*”.

Việc bà N và ông L chung sống với nhau từ năm 1988 (sau ngày 03/01/1987) nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó HĐXX cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Nguyễn Đình L.

[2.2] Về con chung: Có 04 con chung Nguyễn Thị Trúc C, sinh năm 1989; Nguyễn Đình L1, sinh năm 1990; Nguyễn Đình T, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1997. Hiện bốn con chung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nguyên đơn không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 14, 15, 16 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227 BLTTDS; điểm b mục 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật HNGĐ năm 2000; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Nguyễn Đình L.

2. Về con chung: Bốn con chung Nguyễn Thị Trúc C, sinh năm 1989; Nguyễn Đình L1, sinh năm 1990; Nguyễn Đình T, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1997 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nguyên đơn không có yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ tại biên lai thu tiền số 0006216 ngày 11/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mộng Tuyền